

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2013/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản nhà nước vào phần mềm quản lý đăng ký tài sản nhà nước và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/06/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước; Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/1/2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009;

Căn cứ Thông tư số 123/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc quản lý, khai thác Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý tài sản Nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 345/TTr-STC ngày 04/9/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản nhà nước vào Phần mềm

Quản lý đăng ký tài sản Nhà nước và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Những quy định khác về quản lý tài sản Nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Giao Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Trọng Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

**Phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng
nhập dữ liệu tài sản nhà nước vào phần mềm quản lý đăng ký tài sản
nhà nước và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu Quốc gia
về tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 24/2013/QĐ-UBND
ngày 07/10/2013 của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định mối quan hệ phối hợp giữa các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị) được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước với Sở Tài chính trong việc:

- Cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả đăng nhập dữ liệu tài sản Nhà nước thuộc diện phải kê khai đăng ký (trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản Nhà nước.

- Sử dụng thông tin lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản Nhà nước vào các mục đích: thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước hàng năm theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước và các báo cáo khác theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; làm cơ sở cho việc lập dự toán, xét duyệt quyết toán, quyết định, kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp cải tạo, sửa chữa, sử dụng, xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản Nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

Việc phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 1 Quy chế này phải tuân theo nguyên tắc chặt chẽ, kịp thời, thống nhất, đảm bảo tính chính xác số liệu của cả tỉnh, từng cấp và các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong cơ sở dữ liệu.

Điều 3. Trách nhiệm các bên trong quan hệ phối hợp.

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản nhà nước của Bộ Tài chính cho các đơn vị trong tỉnh;

b) Tham mưu cho UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xử lý những đơn vị vi phạm quy định trong việc lập Báo cáo kê khai, nhập dữ liệu, duyệt dữ liệu, khai thác, sử dụng thông tin theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy định cụ thể tại Quy chế này.

2. UBND cấp huyện, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Xác nhận báo cáo kê khai của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổng hợp, báo cáo biến động của tài sản Nhà nước theo đúng thời hạn quy định;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản phải báo cáo, kê khai có trách nhiệm:

a) Lập báo cáo kê khai tài sản Nhà nước theo quy định.

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Phối hợp trong việc lập, xác nhận báo cáo kê khai, cập nhật dữ liệu tài sản Nhà nước vào cơ sở dữ liệu

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước thuộc diện phải kê khai đăng ký có trách nhiệm lập báo cáo kê khai đăng ký theo đúng mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính, cụ thể:

a) Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện kê khai theo Mẫu số 01-ĐK/TSNN; mỗi trụ sở lập riêng một báo cáo kê khai;

b) Đối với xe ô tô thực hiện kê khai theo Mẫu số 02-ĐK/TSNN; mỗi đơn vị lập một báo cáo kê khai;

c) Đối với tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản thực hiện kê khai theo Mẫu số 03-ĐK/TSNN; mỗi đơn vị lập một báo cáo kê khai.

Trường hợp các đơn vị đã lập báo cáo kê khai đăng ký theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính thì không cần lập lại báo cáo.

2. Trường hợp có thay đổi về tài sản Nhà nước do đầu tư xây dựng, mua sắm mới, tiếp nhận từ đơn vị khác về sử dụng, thanh lý, điều chuyển, bị thu hồi, tiêu hủy hoặc bán theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; thay đổi mục đích sử dụng tài sản hoặc cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản thay đổi tên gọi, chia tách, sát nhập theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị có các thông tin thay đổi nêu trên lập báo cáo kê khai bổ sung trong thời hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi theo các Mẫu số 04a-ĐK/TSNN, 04b-ĐK/TSNN, 04c-ĐK/TSNN, 04d-ĐK/TSNN, 04đ-ĐK/TSNN ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính.

3. Báo cáo kê khai đăng ký tài sản Nhà nước được lập thành 03 bộ, gửi 02 bộ đến Sở, ban, ngành chủ quản hoặc UBND cấp huyện (sau đây gọi tắt là cơ quan chủ quản), 01 bộ lưu tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Cơ quan chủ quản (cấp huyện thông qua Phòng Tài chính - Kế hoạch) thực hiện xác nhận hồ sơ báo cáo kê khai tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị; gửi 01 bộ hồ sơ báo cáo kê khai tài sản đã có xác nhận đến Sở Tài chính, 01 bộ lưu tại cơ quan chủ quản.

5. Sở Tài chính hoặc cơ quan được phân cấp nhập dữ liệu thực hiện việc đăng lý tài sản vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản Nhà nước theo quy định.

Điều 5. Phối hợp cung cấp thông tin để kiểm tra, đối chiếu kết quả kê khai đăng ký tài sản Nhà nước.

1. Sở Tài chính có trách nhiệm cập nhật, kiểm tra, đối chiếu số liệu đã nhập vào Phần mềm Quản lý đăng ký tài sản Nhà nước với hồ sơ báo cáo kê khai của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Sở Tài chính sau khi đối chiếu số liệu trong cơ sở dữ liệu với hồ sơ báo cáo kê khai có trách nhiệm:

a) In và gửi "Phiếu xác nhận thông tin trong cơ sở dữ liệu về tài sản Nhà nước" cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản để rà soát, kiểm tra và xác nhận về tính chính xác của số liệu đã đăng nhập vào cơ sở dữ liệu;

b) In và gửi thông tin về đất đến Sở Tài nguyên và Môi trường để Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ hồ sơ địa chính đối chiếu, kiểm tra các thông tin có liên quan.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị và Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm đối chiếu, xác nhận thông tin nêu trên và gửi về Sở Tài chính trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị.

Điều 6. Phối hợp trong công tác lập dự toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản Nhà nước

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi xây dựng kế hoạch lập dự án đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản Nhà nước phải trình kèm theo thông tin về hiện trạng và số lượng tài sản Nhà nước hiện có trong cơ sở dữ liệu hoặc các thông tin cần thiết khác, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp, phê duyệt dự toán.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi xây dựng kế hoạch nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản nhà nước trong quá trình lập dự toán ngân sách nhà nước phân bổ hàng năm cho hoạt động này phải trình kèm theo "Phiếu xác nhận thông tin trong cơ sở dữ liệu về tài sản Nhà nước" của tài sản từ thời điểm hình thành đến thời điểm lập dự toán, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, tổng hợp, phê duyệt dự toán.

3. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra hiện trạng và số lượng tài sản đã được trang cấp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đã đăng ký trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản Nhà nước. Nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa kê khai, đăng ký tài sản (trụ sở làm việc, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản) theo quy định, Sở Tài chính đề nghị đơn vị kê khai bổ sung đầy đủ trước khi thực hiện thẩm định dự toán.

Từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, không xem xét kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo sửa chữa tài sản đối với những đơn vị có tài sản phải đăng ký nhưng không thực hiện kê khai vào Phần mềm.

4. Các đơn vị chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá hiện trạng sử dụng tài sản (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài

nguyên và Môi trường...) sử dụng thông tin về tài sản Nhà nước đã kê khai trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản Nhà nước để làm cơ sở đánh giá.

5. Trường hợp cần thiết, các cơ quan thẩm định kiểm tra thực tế tài sản tại đơn vị. Nếu số liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia không phản ánh đúng thực tế hiện trạng kiểm tra thì đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước phải báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan chủ quản, Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong cơ sở dữ liệu.

6. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp "Phiếu xác nhận thông tin trong cơ sở dữ liệu về tài sản Nhà nước" cho đơn vị khi có yêu cầu trong trường hợp địa phương chưa phân cấp việc khai thác dữ liệu về tài sản Nhà nước cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản.

Điều 7. Phối hợp trong công tác xét duyệt quyết toán đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa tài sản Nhà nước

1. Cơ quan có thẩm quyền xét duyệt quyết toán (Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch,...) chỉ xem xét, thực hiện quyết toán đối với các tài sản thuộc đối tượng kê khai đăng ký sau khi tài sản đó đã được đăng ký vào cơ sở dữ liệu.

2. Sau khi quyết toán, nếu có chênh lệch về số liệu giữa cơ sở dữ liệu với giá trị duyệt quyết toán thì đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm lập báo cáo điều chỉnh số liệu gửi cơ quan chủ quản, Sở Tài chính để thực hiện điều chỉnh trong cơ sở dữ liệu.

3. Sau khi có kết quả duyệt quyết toán, các đơn vị thực hiện bàn giao đầy đủ hồ sơ liên quan đến tài sản Nhà nước đã thực hiện đầu tư, mua sắm cho đơn vị thụ hưởng tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng theo quy định. Đơn vị thụ hưởng có trách nhiệm gửi phiếu thông tin trong cơ sở dữ liệu về tài sản Nhà nước được xác nhận tính chính xác đến Sở Tài chính để duyệt vào cơ sở dữ liệu quốc gia.

Điều 8. Phối hợp trong công tác xử lý (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) tài sản Nhà nước

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước khi đề nghị xử lý tài sản Nhà nước (thu hồi, bán, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy) phải kèm theo "Danh mục tài sản Nhà nước đề nghị xử lý" theo mẫu quy định, được in trực tiếp từ cơ sở dữ liệu.

2. Sở Tài chính hướng dẫn thủ tục và có trách nhiệm cung cấp "Danh mục tài sản Nhà nước đề nghị xử lý" của đơn vị trước khi trình cấp có thẩm quyền.

Điều 9. Phối hợp trong việc kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước.

1. Cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu để thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán, thanh tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp hồ sơ về tài sản in trực tiếp từ cơ sở dữ liệu khi có yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

Điều 10. Phối hợp trong công tác báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

1. Hàng năm, cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và Sở Tài chính có trách nhiệm lập, gửi Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản của năm theo quy định tại Điều 32, Điều 34 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ.

2. Để đảm bảo số liệu báo cáo được thống nhất, Sở Tài chính thực hiện việc khóa toàn bộ số liệu tài sản thuộc phạm vi quản lý trong Cơ sở dữ liệu quốc gia để báo cáo vào ngày 30/01 hàng năm. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa nhập dữ liệu tăng, giảm tài sản của năm báo cáo vào Phần mềm phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Nội dung báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 5, Điều 6 Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19/01/2012 của Bộ Tài chính.

Các biểu mẫu kèm theo Báo cáo phải được kết xuất từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước, bao gồm:

a) Báo cáo tổng hợp hiện trạng sử dụng nhà, đất theo Mẫu số 02B-ĐK/TSNN.

b) Báo cáo tổng hợp tình hình tăng, giảm tài sản Nhà nước theo Mẫu số 02C-ĐK/TSNN.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 11. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và định kỳ hàng năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định tại Quy chế này và những quy định tại Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của Chính phủ; Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính; Thông tư số 123/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính và những nội dung quy định tại Quy chế này;

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc các đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Trọng Hải